



Công Ty Cổ
Phần Vậ
Tải Xăng
Dầu Vitaco

Digitally signed by
Công Ty Cổ Phần Vậ
Tải Xăng Dầu Vitaco
DN: cn=Công Ty Cổ
Phần Vậ Tải Xăng
Dầu Vitaco, c=VN,
st=Hố Chí Minh
Date: 2026.03.23
11:53:22 +07'00'

Công ty Cổ phần Vậ tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số

4103004305

ngày 6 tháng 2 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300545501 ngày 13 tháng 2 năm 2026. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Tài chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông La Văn Út	Chủ tịch
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên
Ông Bùi Hồng Dũng	Ủy viên
Ông Lê Minh Ngọc	Ủy viên
Ông Nguyễn Chí Nam	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Cường	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Bà Văn Thị Hồng Phượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc <i>(từ ngày 1 tháng 7 năm 2025)</i>
Ông Bùi Hồng Dũng	Phó Tổng Giám đốc <i>(đến ngày 30 tháng 4 năm 2025)</i>
Ông Đỗ Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc <i>(đến ngày 31 tháng 5 năm 2025)</i>

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thanh Tuyên	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên
Ông Phạm Văn Trung	Thành viên

Trụ sở đăng ký

236/106/1A Điện Biên Phủ
Phường Gia Định
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

120
ÔNG
TN
P
VH F

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 33 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2026

11/01/2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-02-00196-26-1



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 2594-2024-007-1

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		1.081.174.659.175	1.050.993.407.374
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	964.383.951.544	864.795.956.014
Tiền	111		79.383.951.544	74.795.956.014
Các khoản tương đương tiền	112		885.000.000.000	790.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		73.079.089.766	140.580.860.058
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	40.811.831.178	55.642.954.972
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.694.213.772	5.241.883.572
Phải thu ngắn hạn khác	136	6(a)	29.573.044.816	79.696.021.514
Hàng tồn kho	140	7	43.708.166.665	45.461.194.713
Hàng tồn kho	141		43.708.166.665	45.461.194.713
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.451.200	155.396.589
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	155.396.589
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		3.451.200	-
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		374.971.126.336	423.771.256.361
Các khoản phải thu dài hạn	210		67.856.000.000	80.136.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	6(b)	67.856.000.000	80.136.000.000
Tài sản cố định	220		110.593.626.337	147.142.315.193
Tài sản cố định hữu hình	221	8	89.698.700.056	125.634.384.420
Nguyên giá	222		3.325.502.108.044	3.324.047.403.499
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.235.803.407.988)	(3.198.413.019.079)
Tài sản cố định vô hình	227	9	20.894.926.281	21.507.930.773
Nguyên giá	228		28.250.980.211	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.356.053.930)	(6.743.049.438)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	10	185.776.875.000	185.741.176.461
Đầu tư vào công ty con	251		175.000.000.000	175.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		64.500.000.000	64.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(53.723.125.000)	(53.758.823.539)
Tài sản dài hạn khác	260		10.744.624.999	10.751.764.707
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	29(c)	10.744.624.999	10.751.764.707
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.456.145.785.511	1.474.764.663.735

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		273.376.640.248	305.595.930.931
Nợ ngắn hạn	310		205.566.640.248	202.217.256.431
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	11.314.713.095	20.738.389.423
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	12	12.882.541.101	9.121.709.798
Phải trả người lao động	314		74.370.183.242	64.919.606.789
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	5.103.862.316	3.842.446.025
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	9.088.351.968	6.897.665.641
Vay ngắn hạn	320	15(a)	35.568.674.500	43.331.566.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	16	38.000.000.000	36.932.871.054
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	19.238.314.026	16.433.001.701
Nợ dài hạn	330		67.810.000.000	103.378.674.500
Vay dài hạn	338	15(b)	67.810.000.000	103.378.674.500
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.182.769.145.263	1.169.168.732.804
Vốn chủ sở hữu	410	18	1.182.769.145.263	1.169.168.732.804
Vốn cổ phần	411	19	798.666.660.000	798.666.660.000
▪ <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		798.666.660.000	798.666.660.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		123.257.066	123.257.066
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	213.491.855.223	213.491.855.223
Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	421		170.487.372.974	156.886.960.515
▪ <i>LNST chưa phân phối đến cuối năm trước</i>	421a		49.594.732.190	46.461.706.819
▪ <i>LNST năm nay</i>	421b		120.892.640.784	110.425.253.696
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.456.145.785.511	1.474.764.663.735

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Cao Mỹ Dung
Kế toán tổng hợp



Phan Nhân Tri
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	23	656.384.670.482	650.394.583.764
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	24	441.380.266.373	459.060.343.395
Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20 = 01 - 11)	20		215.004.404.109	191.334.240.369
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	48.735.681.948	36.909.631.269
Chi phí tài chính	22	26	3.040.193.232	12.618.158.766
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.773.585.426</i>	<i>5.008.426.181</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	112.392.727.348	90.402.970.738
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		148.307.165.477	125.222.742.134
Thu nhập khác	31		411.329.682	10.954.530.438
Chi phí khác	32		97.703.136	293.364.664
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		313.626.546	10.661.165.774
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		148.620.792.023	135.883.907.908
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	27.721.011.531	25.604.679.459
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	29	7.139.708	(146.025.247)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		120.892.640.784	110.425.253.696

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Cao Mỹ Dung
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phan Nhân Tri
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		148.620.792.023	135.883.907.908
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		39.024.838.856	87.761.599.889
Các khoản dự phòng	03		59.912.287.187	56.959.170.920
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		20.772.289	(15.209.906)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(48.918.766.257)	(36.550.987.041)
Chi phí lãi vay	06		2.773.585.426	5.008.426.181
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	(698.656.347)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		201.433.509.524	248.348.251.604
Biến động các khoản phải thu	09		79.635.715.681	54.064.578.734
Biến động hàng tồn kho	10		1.753.028.048	5.910.238.480
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(54.454.231.833)	(22.131.819.586)
			228.368.021.420	286.191.249.232
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.987.968.842)	(5.291.123.040)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(24.764.010.385)	(28.804.792.107)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(24.620.250.000)	(25.384.050.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		175.995.792.193	226.711.284.085

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(2.476.150.000)	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		267.121.819	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		48.949.644.438	24.301.987.041
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		46.740.616.257	24.301.987.041
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(43.331.566.000)	(43.331.566.000)
Tiền trả cổ tức	36		(79.796.792.800)	(63.872.636.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(123.128.358.800)	(107.204.202.200)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		99.608.049.650	143.809.068.926
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		864.795.956.014	720.973.559.990
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(20.054.120)	13.327.098
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	964.383.951.544	864.795.956.014

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Cao Mỹ Dung
Kế toán tổng hợp



Phan Nhân Tri
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 2585/QĐ-BTM ngày 27 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 2 công ty con (1/1/2025: 2 công ty con) được mô tả tại Thuyết minh số 10.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 311 nhân viên (1/1/2025: 334 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường xuyên được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	37 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 4 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất trong vòng 43 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được đề cập ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí sửa chữa lớn

Theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển dựa trên chu kỳ sửa chữa lên đà là 2 – 2,5 năm/lần. Số dự phòng chi phí sửa chữa lớn được xác định theo dự toán chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt đối với các tàu phải thực hiện sửa chữa lớn trong chu kỳ tiếp theo.

112
ÔNG
TNH
PH
PHỔ

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) *Thu nhập từ cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ - Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex, công ty mẹ cấp cao nhất - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(q) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền mặt	1.033.710.186	1.711.368.763
Tiền gửi ngân hàng	78.350.241.358	73.084.587.251
Các khoản tương đương tiền (*)	885.000.000.000	790.000.000.000
	964.383.951.544	864.795.956.014

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất trong khoảng từ 4,7% đến 4,8%/năm (1/1/2025: từ 3,7% đến 4,0%/năm).

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và các bên liên quan

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
<i>Các bên liên quan</i>		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	2.654.248.067	15.113.851.805
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	38.157.583.111	40.529.103.167
	40.811.831.178	55.642.954.972

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có tài sản bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	27.114.409.075	71.999.194.640
▪ Phải thu về lợi nhuận được chia	13.750.000.000	13.714.000.000
▪ Phải thu về chi hộ mua tàu	-	45.000.000.000
▪ Phải thu khác	13.364.409.075	13.285.194.640
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng – công ty con	511.000.000	845.000.000
▪ Phải thu về lợi nhuận được chia	511.000.000	845.000.000
Chi hộ Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	616.081.531	4.465.180.907
Tạm ứng cho người lao động	1.158.052.177	1.556.300.064
Các khoản phải thu khác	173.502.033	830.345.903
	29.573.044.816	79.696.021.514

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có tài sản bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Phải thu về chi hộ mua tàu cho Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	67.810.000.000	80.090.000.000
Các khoản phải thu khác	46.000.000	46.000.000
	67.856.000.000	80.136.000.000

Khoản phải thu công ty con không có tài sản bảo đảm, không hưởng lãi và được hoàn trả định kỳ đến năm 2032.

7. Hàng tồn kho

	Giá gốc	
	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Nguyên vật liệu	43.287.805.642	44.406.082.515
Công cụ và dụng cụ	420.361.023	1.055.112.198
	43.708.166.665	45.461.194.713

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	101.836.756.726	174.339.147	3.221.288.598.251	747.709.375	3.324.047.403.499
Tăng trong năm	-	-	2.476.150.000	-	2.476.150.000
Thanh lý	-	-	(1.021.445.455)	-	(1.021.445.455)
Số dư cuối năm	101.836.756.726	174.339.147	3.222.743.302.796	747.709.375	3.325.502.108.044
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	12.970.706.973	174.339.147	3.184.779.141.360	488.831.599	3.198.413.019.079
Khấu hao trong năm	2.733.872.664	-	35.542.895.032	135.066.668	38.411.834.364
Thanh lý	-	-	(1.021.445.455)	-	(1.021.445.455)
Số dư cuối năm	15.704.579.637	174.339.147	3.219.300.590.937	623.898.267	3.235.803.407.988
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	88.866.049.753	-	36.509.456.891	258.877.776	125.634.384.420
Số dư cuối năm	86.132.177.089	-	3.442.711.859	123.811.108	89.698.700.056

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản với nguyên giá 3.214.621 triệu VND (1/1/2025: 2.770.404 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	6.743.049.438
Khấu hao trong năm	613.004.492
Số dư cuối năm	7.356.053.930
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	21.507.930.773
Số dư cuối năm	20.894.926.281

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2025				1/1/2025					
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con										
▪ Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn	100%	100%	100%	- (*)	-	160.000.000.000	100%	160.000.000.000	-	- (*)
▪ Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	100%	100%	100%	- (*)	-	15.000.000.000	100%	15.000.000.000	-	- (*)
						<u>175.000.000.000</u>		<u>175.000.000.000</u>		<u>-</u>
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác										
▪ Công ty Cổ phần An Phú	625.000	0,51%	0,51%	(*)	(47.723.125.000)	53.500.000.000	0,51%	53.500.000.000	(47.758.823.539)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam	600.000	2,02%	2,02%	(*)	(6.000.000.000)	6.000.000.000	2,02%	6.000.000.000	(6.000.000.000)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang	500.000	17,86%	17,86%	- (*)	-	5.000.000.000	17,86%	5.000.000.000	-	(*)
						<u>64.500.000.000</u>		<u>64.500.000.000</u>	<u>(53.758.823.539)</u>	
						<u>239.500.000.000</u>		<u>239.500.000.000</u>	<u>(53.758.823.539)</u>	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số của các khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	-	3.665.543.468
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn	6.440.285.035	3.590.739.549
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	420.399.181	1.134.331.980
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	282.220.124	970.911.412
Công ty Xăng dầu Khu vực II – TNHH MTV	62.233.150	82.941.150
Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn – Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP	-	694.670.000
	7.205.137.490	10.139.137.559
Các bên khác		
Công ty TNHH Sửa chữa Tàu biển Ánh Dương	1.443.754.800	560.546.568
Công ty TNHH Dịch vụ và Kỹ thuật Biển Xanh	1.117.324.800	276.373.960
Công ty TNHH Hoa Thiên Sứ	-	2.501.730.000
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải MTD Việt Nam	-	1.324.659.800
Các nhà cung cấp khác	1.548.496.005	5.935.941.536
	4.109.575.605	10.599.251.864
	11.314.713.095	20.738.389.423

Khoản phải trả người bán là các bên liên quan không có tài sản bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	7.052.744	21.540.806.894	(20.553.754.597)	994.105.041
Thuế nhập khẩu	-	2.515.435.997	(2.515.435.997)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.787.669.324	27.721.011.531	(24.764.010.385)	10.744.670.470
Thuế thu nhập cá nhân	1.260.093.274	6.596.169.258	(6.873.559.852)	982.702.680
Các loại thuế, phí khác	66.894.456	1.837.594.846	(1.743.426.392)	161.062.910
	9.121.709.798	60.211.018.526	(56.450.187.223)	12.882.541.101

(*) Số thuế giá trị gia tăng phát sinh trong năm thể hiện số đã cần trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa	2.648.756.014	1.541.523.934
Chi phí phúc lợi cho nhân viên	548.000.000	-
Chi phí lãi vay	160.787.560	375.170.976
Cảng phí	-	508.979.725
Các khoản khác	1.746.318.742	1.416.771.390
	5.103.862.316	3.842.446.025

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

14. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
<i>Phải trả khác cho các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	679.500.000	674.500.000
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng – công ty con	893.520.000	552.260.000
Công ty TNHH MTV Thuyền viên VIPCO	2.258.688.142	1.796.214.126
<i>Các bên khác</i>		
Kinh phí công đoàn	2.303.629.733	2.188.949.756
Cổ tức phải trả	1.281.946.060	1.212.072.860
Các khoản phải trả khác	1.671.068.033	473.668.899
	9.088.351.968	6.897.665.641

15. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Biến động trong năm		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
	1/1/2025 VND	Chuyển từ vay dài hạn VND	Trả nợ vay VND	31/12/2025 VND
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 15(b))	43.331.566.000	35.568.674.500	(43.331.566.000)	35.568.674.500

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đô Thành	VND	7,0%	2026	23.288.674.500	54.340.240.500
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	VND	7,1%	2032	80.090.000.000	92.370.000.000
				103.378.674.500	146.710.240.500
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(35.568.674.500)	(43.331.566.000)
				67.810.000.000	103.378.674.500

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản vay dài hạn này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao của Công ty (1/1/2025: tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 34.542 triệu VND) và một tài sản cố định hữu hình của một công ty con.

16. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Dự phòng sửa chữa lớn	38.000.000.000	36.932.871.054

Biến động của dự phòng sửa chữa lớn trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	36.932.871.054	36.733.120.307
Dự phòng trích lập trong năm	59.947.985.726	56.229.044.682
Dự phòng sử dụng trong năm	(58.880.856.780)	(56.029.293.935)
Số dư cuối năm	38.000.000.000	36.932.871.054

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2025	2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	16.433.001.701	20.817.639.388
Trích lập trong năm	27.425.562.325	20.999.412.313
Sử dụng quỹ	(24.620.250.000)	(25.384.050.000)
Số dư cuối năm	<u>19.238.314.026</u>	<u>16.433.001.701</u>

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	798.666.660.000	123.257.066	213.491.855.223	131.354.451.932	1.143.636.224.221
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	110.425.253.696	110.425.253.696
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(20.999.412.313)	(20.999.412.313)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(63.893.332.800)	(63.893.332.800)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	798.666.660.000	123.257.066	213.491.855.223	156.886.960.515	1.169.168.732.804
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	120.892.640.784	120.892.640.784
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(27.425.562.325)	(27.425.562.325)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(79.866.666.000)	(79.866.666.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	798.666.660.000	123.257.066	213.491.855.223	170.487.372.974	1.182.769.145.263

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành được trình bày theo mệnh giá của Công ty là:

	31/12/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	79.866.666	798.666.660.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

20. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 25 tháng 4 năm 2025 đã quyết định chia cổ tức cho năm 2024 với số tiền là 79.867 triệu VND, tương đương 10% vốn cổ phần (2024: chia cổ tức với số tiền là 63.893 triệu VND, tương đương 8% vốn cổ phần).

21. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ

	31/12/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	341.974	8.917.665.904	7.646	193.060.305

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, Công ty có các cam kết chi tiêu vốn đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và Công ty đang triển khai thực hiện. Các khoản cam kết này chưa được ghi nhận trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Đã được duyệt và đang triển khai thực hiện	1.186.965.000.000	894.285.000.000

23. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ thể hiện giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2025	2024
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển	651.772.670.486	645.782.583.768
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	4.611.999.996	4.611.999.996
	656.384.670.482	650.394.583.764

24. Giá vốn dịch vụ cung cấp

	2025	2024
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải biển	439.766.066.373	457.446.143.395
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	1.614.200.000	1.614.200.000
	441.380.266.373	459.060.343.395

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2025 VND	2024 VND
Cổ tức được chia	15.301.001.855	16.188.390.582
Lãi tiền gửi	33.350.642.583	20.362.596.459
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	84.037.510	343.434.322
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	15.209.906
	<hr/> 48.735.681.948	<hr/> 36.909.631.269

26. Chi phí tài chính

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay	2.773.585.426	5.008.426.181
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	281.534.056	879.606.347
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	20.772.289	-
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(35.698.539)	6.730.126.238
	<hr/> 3.040.193.232	<hr/> 12.618.158.766

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	52.579.709.333	46.731.944.488
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.663.368.540	8.350.880.276
Chi phí khấu hao	4.482.842.167	4.860.807.834
Chi phí vật liệu quản lý	1.647.153.120	2.495.015.686
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.959.690.790	1.877.294.362
Chi phí khác	43.059.963.398	26.087.028.092
	<hr/> 112.392.727.348	<hr/> 90.402.970.738

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	141.660.346.682	133.014.149.150
Chi phí nhân công	168.016.440.485	153.229.429.629
Chi phí khấu hao	39.024.838.856	87.761.599.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.335.253.268	37.159.824.769
Chi phí khác	163.736.114.430	136.123.456.651

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	27.721.011.531	24.255.439.188
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	1.349.240.271
	27.721.011.531	25.604.679.459
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	7.139.708	(146.025.247)
	27.728.151.239	25.458.654.212

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025	2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	148.620.792.023	135.883.907.908
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	29.724.158.405	27.176.781.582
Thu nhập không bị tính thuế	(3.060.200.371)	(5.419.110.306)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.064.193.205	2.351.742.665
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	1.349.240.271
	27.728.151.239	25.458.654.212

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

(d) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	211.628.551.937	233.386.755.726
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	432.464.298.545	417.007.828.038
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	6.659.635.094	5.531.563.019
Chia cổ tức	41.465.217.000	33.172.173.600
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn		
Cổ tức được chia	14.746.738.725	14.320.240.891
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	2.180.099.479	1.972.096.187
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng		
Cổ tức được chia	554.263.130	868.149.691
Mua dịch vụ	10.225.200	-
Các công ty con của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn – Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP		
Mua nguyên vật liệu	14.138.569.282	15.548.082.627
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	68.095.350.235	76.686.531.429
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	1.527.348.740	2.348.044.149

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

		Giá trị giao dịch	
		2025	2024
		VND	VND
Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Ninh			
Mua nguyên vật liệu		3.685.477.907	-
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long			
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ		3.998.445.159	4.227.626.486
Công ty liên kết của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam			
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex – Chi nhánh Sài Gòn			
Mua dịch vụ		21.003.220.512	19.588.154.543
Thành viên Ban Giám đốc			
Tiền lương và thưởng			
Ông Nguyễn Quang Cường	Tổng Giám đốc	1.202.988.534	1.065.826.289
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Tổng Giám đốc	960.812.138	855.021.031
Ông Bùi Hồng Dũng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 30/4/2025)	(*)	(*)
Ông Đỗ Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31/5/2025)	473.387.902	799.601.938
Bà Văn Thị Hồng Phượng	Phó Tổng Giám đốc	960.812.138	855.021.031
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/7/2025)	557.684.209	-
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 30/6/2024)	-	247.800.000
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát			
Tiền lương, thưởng và thù lao			
Ông La Văn Út	Chủ tịch	1.427.023.883	1.276.673.476
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên	121.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên	121.000.000	96.000.000
Ông Bùi Hồng Dũng	Ủy viên	121.000.000	96.000.000
Ông Lê Minh Ngọc	Ủy viên	121.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Chí Nam	Ủy viên	121.000.000	96.000.000
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Ủy viên (đến ngày 30/6/2024)	-	48.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tuyên	Trưởng Ban Kiểm soát	762.591.196	707.269.640
Ông Phạm Văn Trung	Thành viên Ban Kiểm soát	84.700.000	67.200.000
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên Ban Kiểm soát	84.700.000	67.200.000

(*) Các khoản thù lao của ông Bùi Hồng Dũng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được chi trả bởi Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn, là công ty con của Công ty.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Cao Mỹ Dung
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phan Nhân Tri
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

